VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02287/2026/PKQ (26.886)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường Long Hưng, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam
Thời gian lấy mẫu: 08/06/2026
Thời gian thử nghiệm: 08/06/2026 – 16/06/2026
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào tại bể thu gom nhà máy XLNT KCN Nhơn Trạch 5
Toạ độ: X: 1183134 Y: 407956

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ(b)	°C	31,1	SMEWW 2550B:2017
2	Độ màu(b)	Pt/Co	36	SMEWW 2120C:2017
3	pH(b)	-	7,2	TCVN 6492:2011
4	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD_5)(b)	mg/L	74	SMEWW 5210B:2017
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)(b)	mg/L	133	SMEWW 5220C:2017
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(b)	mg/L	90	SMEWW 2540D:2017
7	Asen (As)(b)	mg/L	0,013	SMEWW 3125B:2017
8	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	SMEWW 3125B:2017
9	Chì (Pb)(b)	mg/L	0,0075	SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0001)	SMEWW 3125B:2017
11	Cr^{3+}(b)	mg/L	0,017	SMEWW 3125B:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017
12	Cr^{6+}(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 3500Cr.B:2017
13	Đồng (Cu)(b)	mg/L	0,131	SMEWW 3125B:2017
14	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	0,352	SMEWW 3125B:2017
15	Niken (Ni)(b)	mg/L	0,01	SMEWW 3125B:2017
16	Mangan (Mn)(b)	mg/L	0,083	SMEWW 3125B:2017
17	Sắt (Fe)(b)	mg/L	1,51	SMEWW 3111B:2017
18	CN^-(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
19	Tổng Phenol(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,04)	TCVN 6216:1996
20	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
21	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	TCVN 6637 : 2000
22	Florua (F^-)(b)	mg/L	0,65	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
23	Amoni (NH_4^+ tính theo N)(b)	mg/L	7,37	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
24	Tổng Nitơ(b)	mg/L	15,7	TCVN 6624-2:2000
25	Tổng Photpho(b)	mg/L	0,263	SMEWW 4500-P.B&E:2017
26	Clorua (Cl^-)(b)	mg/L	372	SMEWW 4500-Cl-.B:2017
27	Clo dư(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 4500-Cl^-.G:2017
28	Coliform(b)	MPN/100mL	1,7 x 10^5	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 10h00' ngày 08/06/2026
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Tuấn Minh

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ★ VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG ★ VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02289/2026/PKQ (26.886)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường Long Hưng, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam
Thời gian lấy mẫu: 08/06/2026
Thời gian thử nghiệm: 08/06/2026 – 16/06/2026
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu ra nhà máy XLNT KCN Nhơn Trạch 5
Toạ độ: X: 1183089 Y: 408103

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ(b)	°C	30,3	SMEWW 2550B:2017
2	Độ màu(b)	Pt/Co	33	SMEWW 2120C:2017
3	pH(b)	-	7,21	TCVN 6492:2011
4	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD_5)(b)	mg/L	21	SMEWW 5210B:2017
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)(b)	mg/L	43	SMEWW 5220C:2017
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(b)	mg/L	5	SMEWW 2540D:2017
7	Asen (As)(b)	mg/L	0,007	SMEWW 3125B:2017
8	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	SMEWW 3125B:2017
9	Chì (Pb)(b)	mg/L	0,0041	SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0001)	SMEWW 3125B:2017
11	Cr^{3+}(b)	mg/L	0,007	SMEWW 3125B:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017
12	Cr^{6+}(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 3500Cr.B:2017
13	Đồng (Cu)(b)	mg/L	0,027	SMEWW 3125B:2017
14	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	0,103	SMEWW 3125B:2017
15	Niken (Ni)(b)	mg/L	0,005	SMEWW 3125B:2017
16	Mangan (Mn)(b)	mg/L	0,128	SMEWW 3125B:2017
17	Sắt (Fe)(b)	mg/L	0,14	SMEWW 3111B:2017
18	CN^-(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
19	Tổng Phenol(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,04)	TCVN 6216:1996
20	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
21	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	TCVN 6637 : 2000
22	Florua (F^-)(b)	mg/L	1,03	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
23	Amoni (NH_4^+ tính theo N)(b)	mg/L	0,136	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
24	Tổng Nito(b)	mg/L	5,7	TCVN 6624-2:2000
25	Tổng Photpho(b)	mg/L	0,011	SMEWW 4500-P.B&E:2017
26	Clorua (Cl^-)(b)	mg/L	482	SMEWW 4500-Cl^-.B:2017
27	Clo dư(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 4500-Cl^-.G:2017
28	Coliform(b)	MPN/100mL	$9,2 \times 10^2$	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 10h15' ngày 08/06/2026
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Tuấn Minh

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.